TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 315/2023/HNGĐ-ST
Ngày 12 – 7 – 2023
V/v ly hôn G - Nh

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Rỡ

Các Hội thẩm nhân dân:Ông Nguyễn Đình Phùng

Ông Võ Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 7 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2023/TLST- HNGĐ, ngày 27 tháng 4 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 173/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Ngọc G, sinh năm 2000; nơi cư trú: Số G, tổ C, ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang, có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Châu N, sinh năm 1991; nơi cư trú: Số G, tổ C, ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo khởi kiện ngày 28/3/2023 và lời khai của nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc G trình bày: Chị và anh Trần Châu N qua tìm hiểu đã tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang vào ngày 19 tháng 11 năm 2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 10 năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn, do bố mẹ chồng gay gắt với chị dẫn đến chị và bố mẹ chồng thường xuyên cự cãi nhau, anh N không hàn gắn hoà giải mà còn đuổi chị ra khỏi nhà, dẫn đến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Vợ chồng ly thân từ tháng 10 năm 2022 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trong, chị xin ly hôn anh N.

Chị G và anh N có 01 con chung tên Trần Thị Ngọc C, sinh ngày

26/3/2020, hiện nay con chung đang sống cùng anh N. Chị G đồng ý giao con chung cho anh N nuôi dưỡng, chị G không cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị và anh N không có tài sản chung, nợ chung

Bị đơn anh Trần Châu N vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do cho thấy bị đơn không chấp hành đúng quy định Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu, cho chị Lê Thị Ngọc G được ly hôn anh Trần Châu N. Chị G và anh N có 01 con chung, giao anh N được tiếp tục nuôi con chung. Anh N không yêu cầu nên không buộc chị G cấp dưỡng nuôi con. Chị G và anh N không có tài sản chung nợ chung nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn bị đơn có nơi cư trú tại huyện P, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị G và anh N tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 136 do Ủy ban nhân dân xã P cấp ngày 19/11/2018 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống chị G và cha mẹ chồng thường xuyên mâu thuẫn, anh N không hàn gắn còn đuổi chị ra khỏi nhà, vợ chồng ly thân từ tháng 10/2022 đến nay, nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Xét thấy, anh chị vi phạm nghĩa vụ vợ chồng phải yêu thương, quan tâm và chung sống với nhau được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị G yêu cầu ly hôn là có căn cứ.

[2.2] Về nuôi con chung:

Chị G và anh N có 01 con chung tên Trần Thị Ngọc C, sinh ngày 26/3/2020, anh N đang nuôi dưỡng. Từ khi vợ chồng ly thân tháng 10 năm 2022

đến nay anh N là người trực tiếp nuôi con, để ổn định cuộc sống của cháu và theo nguyên vọng của chị G nên Hội đồng xét xử giao con chung cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh N không yêu cầu nên không buộc chị G phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị G trình bày không có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 91, Điều 147, Điều 266, Điều 322 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326//2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc G.

1. Về hôn nhân gia đình: Chị Lê Thị Ngọc G được ly hôn anh Trần Châu N.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 136 ngày 19/11/2018 do Ủy ban nhân dân xã P cấp cho Chị G và anh N không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Chị G và anh N có 01 con chung tên Trần Thị Ngọc C, sinh ngày 26 tháng 3 năm 2020 đang sống với anh N. Giao con chung cho anh N được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh N không yêu cầu nên không buộc chị G phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh N và các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tạo điều kiện cho chị G đến thăm nom, chăm sóc con chung; không ai được cản trở chị G thực hiện quyền này.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Một trong các bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét việc thay đổi nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nếu có yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Không

4. Về nợ: Ghi nhận chị G trình bày không có nợ chung, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5. Về án phí: Chị G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006130 ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Chị G không còn phải nộp thêm án phí

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời

hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân
- UBND xã Phú Hưng, huyện Phú Tân;
- TAND tỉnh An Giang
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Thị Rỡ